TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2026/DS-ST
Ngày: 12-3-2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Cẩm Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tám

2. Ông Võ Thanh Hải

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hiển, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 480/2025/TLST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2025 về tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2026/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông **Trần Văn Út E**, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Ấp B, xã B, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đoàn Thị Ái T, sinh năm 1997; Địa chỉ: Ấp H, xã H, tỉnh Đồng Tháp (theo Giấy ủy quyền ngày 09/12/2025).

* *Bị đơn:* Bà **Đinh Thị Hồng T1**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp B, xã B, tỉnh Đồng Tháp.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Phan Thị Kim L, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Ấp B, xã B, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Lê Thị Ư, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Ấp P, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

(Có mặt: Bà T, bà T1 và bà L; vắng mặt bà Ư).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong Đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 09/12/2025 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Văn Út E, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đoàn Thị Ái T trình bày:*

Ông Trần Văn Út E và bà Đinh Thị Hồng T1 là hàng xóm. Vì cần tiền chăm sóc vườn sầu riêng nên ngày 13/6/2024 âm lịch (dương lịch là ngày 18/7/2024) bà T1 có hỏi vay ông Út E số tiền 321.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K hứa đến ngày 20/9/2025 âm lịch (dương lịch là ngày 14/11/2025) sẽ hoàn trả đầy đủ cho ông Út E, lãi suất do các bên tự thỏa thuận riêng với nhau. Ông Út E đồng ý cho vay tiền và vàng. Ông Út E yêu cầu bà T1 lập văn bản "Giấy mượng tiền" do bà T1 viết và ký tên vào biên nhận.

Buổi chiều cùng ngày 13/6/2024 âm lịch (dương lịch là ngày 18/7/2024) bà T1 tiếp tục hỏi vay số tiền 9.000.000 đồng hứa vài ngày sau sẽ trả lại cho ông Út E nhưng ông Út E không trực tiếp đưa tiền cho bà T1 mà ông Út E đưa tiền cho vợ ông Út E và con dâu, sau đó vợ ông Út E đưa 2.000.000 đồng và con dâu ông Út E đưa 7.000.000 đồng cho bà T1. Việc vay tiền lần này ông Út E chỉ nhờ người đưa tiền chứ không làm giấy tờ biên nhận vay tiền.

Kể từ ngày vay bà T1 nhiều lần hứa hẹn, còn cố tình né tránh không thực hiện việc trả toàn bộ số tiền nợ và số tiền lãi cho ông Út E như đã cam kết.

Nay ông Út E khởi kiện yêu cầu: Buộc bà Đinh Thị Hồng T1 có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn Ú Em số tiền vay 330.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K (khoảng 14.000.000 đồng x 5 chỉ = 70.000.000 đồng) tổng số tiền nợ và vàng khoảng 400.000.000 đồng và số tiền lãi là 3.320.000 đồng/tháng bắt đầu tính lãi từ ngày 14/11/2025 đến khi tòa án giải quyết xong, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Trong biên bản lấy lời khai ngày 30/01/2026 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Đinh Thị Hồng T1 trình bày:*

"Giấy mượng tiền" ngày 13/6/2024 đúng là do bà T1 tự viết và ký, ghi họ tên. Tuy nhiên, số tiền và vàng ghi nhận là không đúng vì đã cộng dồn vốn và lãi. Bà T1 viết "giấy mượng tiền" ngày 13/6/2024 là vì ông Út E buộc bà T1 phải viết nên bà T1 viết mà không kiểm tra số tiền và vàng đã được viết trong

giấy mượng tiền; khi viết giấy mượng tiền thì bà T1 nghĩ sẽ bán đất để trả nợ, khi trả nợ sẽ kiểm tra lại số nợ gốc sau. Bà T1 xác định không có nhận vàng nhưng có mượn ông Út E 05 chỉ vàng 24K để trả tiền lãi cho chính ông Út E. Số tiền vay cụ thể hiện nay bà T1 không nhớ, chỉ nhớ đã vay của ông Út E nhiều lần nhưng ông Út E cũng có ghi ở sổ vay tiền do chính ông Út E giữ. Khi vay tiền của ông Út E, các bên có thỏa thuận lãi là 200.000đồng/tháng cho mỗi 1.000.000đồng tiền vay, 10 ngày phải trả 01 lần. Trong thời gian qua bà T1 có trả lãi cho ông Út E nhưng không có làm biên nhận, cũng không có chứng cứ chứng minh. Ngoài số tiền và vàng đã được viết trong biên nhận thì bà T1 thừa nhận có nhận từ con dâu của ông Út E là bà Lê Thị Ư 7.000.000đồng và nhận từ vợ của ông Út E là bà Phan Thị Kim L số tiền 2.000.000đồng như ông Út E đã trình bày là đúng, bà T1 chưa trả. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông Út E thì bà T1 đồng ý trả số nợ gốc trên sổ vay nợ mà mỗi lần vay ông Út E đã cho bà T1 ký tên vào và ông Út E giữ; bà T1 không có giữ sổ vay nợ này.

** Trong bản tự khai ngày 14/01/2026 và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị Kim L và Lê Thị Ư trình bày:*

Ngày 13/6/2024 âm lịch (dương lịch là ngày 18/7/2024) bà T1 có hỏi vay ông Út E số tiền 321.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K, các bên có lập "Giấy mượng tiền" do bà T1 viết và ký tên vào biên nhận.

Buổi chiều cùng ngày 13/6/2024 âm lịch (dương lịch là ngày 18/7/2024) bà T1 tiếp tục hỏi vay số tiền 9.000.000 đồng hứa vài ngày sau sẽ trả lại cho ông Út E nhưng ông Út E không trực tiếp đưa tiền cho bà T1 mà ông Út E đưa tiền cho vợ ông Út E và con dâu, sau đó vợ ông Út E là bà L đã đưa 2.000.000 đồng và con dâu ông Út E là bà Ư đã đưa 7.000.000 đồng cho bà T1. Việc giao tiền không làm giấy tờ biên nhận.

Tại phiên tòa;

Đại diện nguyên đơn thừa nhận từ khi vay đến nay bà T1 có trả được cho ông Út E 20.000.000đồng nên còn nợ lại 310.000.000đồng và 05 chỉ vàng 24K. Nay ông Út E, không yêu cầu tính lãi đối với số vàng, ông Út E yêu cầu bà T1 trả cho ông Út E 310.000.000đồng tiền vốn và tiền lãi tính theo lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày đến hạn trả nợ là 14/11/2025 cho đến ngày xét xử tính tròn là 03 tháng với số tiền là 7.719.000đồng, tổng cộng vốn lãi là: 317.719.000đồng và 05 chỉ vàng 24K.

Bị đơn trình bày có trả được cho ông Út E 20.000.000đồng. Nay đối với yêu cầu của ông Út E, bà T1 xin trả 280.000.000đồng vốn (xin trả 300.000.000đồng trừ đi 20.000.000đồng đã trả) làm 02 lần: trả 200.000.000đồng vào tháng 11/2026, trả 80.000.000đồng vào năm 2027; bà T1 xin không trả lãi, phần tiền còn lại và 05 chỉ vàng 24K do hoàn cảnh khó khăn.

** Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm*:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Ư có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị Ư.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Trần Văn Ú Em yêu cầu bà Đinh Thị Hồng T1 trả cho ông Út E 310.000.000đồng tiền vốn và tiền lãi tính theo lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày đến hạn trả nợ là 14/11/2025 cho đến ngày xét xử tính tròn là 03 tháng với số tiền là 7.719.000đồng, tổng cộng vốn lãi là: 317.719.000đồng và 05 chỉ vàng 24K.

[2.2] Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn ông Trần Văn Út E đã cung cấp cho Tòa án "Giấy mượng tiền" ngày 13/6/2024 có chữ ký, ghi họ tên của bà Đinh Thị Hồng T1 có nội dung "*Hôm nay ngày 13 tháng 6.2024 Đinh Thị Hồng T1 (thông tin năm sinh và CCCD) Tôi có mượng của ông Trần Văn Út E (thông tin năm sinh và CCCD) số tiền là: 321.000.000 Ba trăm hai mươi mốt*

triệu. 5 chỉ vàng 24K. Hẹn tới ngày 20-9-2025 tôi sẽ hoàn trả hết". Tài liệu này được bị đơn bà Đinh Thị Hồng T1 thừa nhận là do bà T1 tự viết, ký tên và ghi rõ họ tên.

Bà T1 cho rằng số tiền và vàng ghi nhận trong "Giấy mượng tiền" ngày 13/6/2024 âm lịch là không đúng vì đã cộng dồn vốn và lãi; ông Út E buộc bà T1 phải viết giấy mượng tiền nên bà T1 viết mà không kiểm tra số tiền và vàng đã được viết trong giấy mượng tiền; khi viết giấy mượng tiền thì bà T1 nghĩ sẽ bán đất để trả nợ, khi trả nợ sẽ kiểm tra lại số nợ gốc sau. Bà T1 có mượn ông Út E 05 chỉ vàng 24K để trả tiền lãi cho chính ông Út E nhưng không có nhận vàng. Số tiền vay cụ thể hiện nay bà T1 không nhớ, chỉ nhớ đã vay của ông Út E nhiều lần nhưng ông Út E cũng có ghi ở sổ vay tiền do chính ông Út E giữ. Lời khai này của bà T1 không được ông Út E thừa nhận. Tòa án đã có thông báo và cho thời gian để bà T1 cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nhưng bà T1 không cung cấp được; đồng thời, lời khai này của bà T1 mâu thuẩn với nội dung của giấy mượn tiền do chính bà T1 tự viết và ký tên. Do đó, lời trình bày này của bà T1 là không có cơ sở.

Nguyên đơn đưa ra yêu cầu khởi kiện và cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình cụ thể là "Giấy mượng tiền" ngày 13/6/2024 âm lịch; bị đơn bà Đinh Thị Hồng T1 phản đối nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, căn cứ khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ việc theo những chứng cứ có trong hồ sơ, cụ thể là "Giấy mượng tiền" ngày 13/6/2024 âm lịch nên có cơ sở xác định bà T1 có vay của ông Út E số tiền 321.000.000đồng và 05 chỉ vàng 24K.

Ngoài ra, ông Út E còn trình bày buổi chiều cùng ngày 13/6/2024 âm lịch, bà T1 tiếp tục vay của ông Út E thêm 9.000.000đồng, trong đó bà Phan Thị Kim L giao 2.000.000 đồng và bà Lê Thị Ư giao 7.000.000 đồng theo yêu cầu của ông Út E. Lời trình bày này phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Kim L và bà Lê Thị Ư, đồng thời cũng được chính bị đơn bà Đinh Thị Hồng T1 thừa nhận là có nhận số tiền nêu trên và đến nay chưa trả. Do đó, có đủ căn cứ xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn thêm số tiền 9.000.000đồng.

Như vậy tổng cộng bà T1 đã vay của ông Út E 330.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn và bị đơn thống nhất bà T1 đã

trả 20.000.000đồng nên xác định số nợ còn lại là 310.000.000đồng và 05 chỉ vàng 24K.

[2.3] Về lãi suất:

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay 310.000.000 đồng với mức lãi 0,83%/tháng tính từ ngày đến hạn trả nợ là 14/11/2025 cho đến ngày xét xử tính tròn là 03 tháng với số tiền là 7.719.000đồng.

Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật và thời điểm đến hạn trả nợ đã xác định, nên được chấp nhận.

[2.4] Nguyên đơn yêu cầu cầu bà T1 trả nợ khi án có hiệu lực pháp luật, bà T1 xin trả dần số nợ: Xét thấy "Giấy mượng tiền" đã ghi nhận về thời gian trả nợ, theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự thì bà T1 phải có nghĩa vụ trả đủ tiền và vàng khi đến hạn. Việc bà T1 chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong thời gian qua, nay lại tiếp tục xin trả dần số nợ đã ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không chấp nhận ý kiến xin trả dần của bà T1.

[3] Từ các phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn Ú Em là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ. Tổng số tiền vốn và lãi bà T1 phải trả cho ông Út E là 317.719.000đồng (trong đó: vốn 310.000.000đồng, lãi 7.719.000đồng) và 05 chỉ vàng 24K.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Đinh Thị Hồng T1 có nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

5% x [317.719.000đồng + (05 chỉ vàng 24K x 17.800.000đồng/chỉ)] = 20.335.950đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Văn Ú Em.

Buộc bà Đinh Thị Hồng T1 có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn Ú Em số tiền 317.719.000đồng (ba trăm mười bảy triệu bảy trăm mười chín nghìn đồng - trong đó: vốn 310.000.000đồng, lãi 7.719.000đồng) và 05 (năm) chỉ vàng 24K. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Trần Văn Út E có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đinh Thị Hồng T1 chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đinh Thị Hồng T1 chịu 20.335.950đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho ông Trần Văn Ú Em 10.000.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011443 ngày 24/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3/ Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Cẩm Loan